

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
PHAN ĐĂNG LỮU

Biểu mẫu 11
(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học phổ thông,
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	35	-
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	35	-
2	Phòng học bán kiên cố	-	-
3	Phòng học tạm	-	-
4	Phòng học nhờ	-	-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1,5	-
8	Bình quân học sinh/lớp	44	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	4690	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	800	
VI	Tổng diện tích các phòng	2036	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1440	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	420	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	72	
3	Diện tích thư viện (m ²)	104	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	18	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	6	
1.2	Khối lớp 11	6	
1.3	Khối lớp 12	6	



2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu theo quy định	0	
2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	0	
2.3	Khối lớp 12	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	90	22 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	/	
2	Cát xét	/	
3	Đầu Video/đầu đĩa	/	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	/	
5	Thiết bị khác...	/	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	/	
1	Ti vi	35	1/1 (Sở đã duyệt kinh phí năm 2022)
2	Cát xét	3	-
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	-
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	-
5	Thiết bị khác...	5	-

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/ chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh	5 phòng + Hội trường 240 + 160 = 400 m ²	150	2,6 m ²
XIII	Khu nội trú	0	0	0

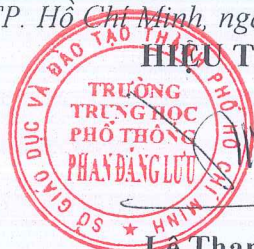
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	-	4 / 4	-	-
2	Chưa đạt chuẩn	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thanh Xuân



